

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14 /2019/HS-ST
Ngày: 30/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Lâm Xướng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Thanh Toàn

Ông: Trương Ngọc Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Mỹ Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

T V P sinh ngày: 28 tháng 02 năm 1986 tại: K C, Y K, N B.

Nơi cư trú: Thôn Y C 3, xã : K C, huyện Y K, tỉnh N B; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T Đ N và bà L T T; có vợ là N T T G và 03 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/01/2019 và chuyển tạm giam từ ngày 30/01/2019 cho đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 09 giờ 30 phút, ngày 24/01/2019, tại Trạm kiểm soát liên ngành Cửa khẩu quốc tế C L, xã D H, huyện M H, tỉnh Q B. Đồn biên phòng cửa khẩu quốc tế C L phối hợp với phòng phòng chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng tỉnh Q B và Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế C L tiến hành kiểm tra phương tiện vận tải đầu kéo mang BKS 12C – 066... kéo theo rơ moóc BKS 12R-005... do T V P điều khiển chở hoa quả cho Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu K L nhập cảnh từ Lào vào Việt Nam, phát hiện trong tủ đựng quần áo bên phải phía sau ghế lái trong ca bin buồng điều khiển xe đầu kéo BKS 12C - 066... có một hộp kim loại hình tròn màu đỏ, bên trong có 01 gói ni lon chứa chất tinh thể màu trắng; trên đầu khung rơ moóc (sắt xi) có một hộp nhựa màu hồng bên trong có 02 gói ni lon màu trắng chứa tổng cộng 22 viên nén màu hồng, trên mặt mỗi viên có ký hiệu WY. T V P khai nhận đó là ma túy mua ở Lào đem về Việt Nam để sử dụng. Lực lượng chức năng đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T V P, tiến hành thu giữ niêm phong tang vật theo đúng quy định.

Quá trình điều tra T V P khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 23/01/2019 P mua 22 viên ma túy với giá 300.000 kíp Lào (tương đương với 700.000đ tiền Việt Nam) và 01 gói ma túy tổng hợp dạng đá với giá 200.000 đồng của một người Lào (P không biết tên, tuổi, địa chỉ) ở huyện N M L, tỉnh K M. Ngày 24/01/2019 P giấu số ma túy trên xe vận chuyển về Việt Nam để sử dụng, khi đến làm thủ tục nhập cảnh tại Cửa khẩu quốc tế C L thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện.

Tại bản kết luận giám định số 183 ngày 26/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận:

Mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamin, khối lượng 2,158g.

Mẫu ký hiệu A2 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamin, khối lượng 0,086g.

Vật chứng vụ án gồm:

1) 02 túi ni lon màu trắng bên trong chứa 22 viên nén màu hồng, trên mặt mỗi viên có ký hiệu WY;

2) 01 túi ni lon bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng;

3) 01 quyển hộ chiếu số C3404789 do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 31/5/2017 mang tên T V P;

4) 01 thẻ căn cước công dân số 037086000760 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 14/4/2016 mang tên T V P;

5) 01 giấy phép lái xe số 790118230762 do Sở giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2015 mang tên T V P;

- 6) 01 phương tiện vận tải đầu kéo mang BKS 12C – 066...;
- 7) 01 rơ moóc mang BKS 12R – 005...;
- 8) 01 giấy phép liên vận Việt – Lào số 493/LS-2018 của phương tiện BKS 12C – 066.., cấp ngày 06/6/2018 do Sở giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn cấp;
- 9) 01 giấy phép liên vận Việt – Lào số 498/LS – 2018 của phương tiện BKS 12R – 005... do Sở giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 06/6/2018;
- 10) 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 016847 của phương tiện 12C – 066... (bản sao);
- 11) 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001094 của phương tiện BKS12R – 005... (bản sao);
- 12) 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KC 6604355 của phương tiện 12C – 066...;
- 13) 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KC3411678 của phương tiện 12R – 005...;
- 14) 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số 12214..;
- 15) 01 điện thoại di động màu đen hiệu NOKIA (không rõ chất lượng bên trong) , số Serial no 1: 353407097349005 và số Serial no 2: 358567087771008; bên trong khe chứa sim 1 có chứa 01 sim Viettel số 08682066.. và khe chứa sim 2 có chứa 01 sim Vinaphone số 09163124..;
- 16) 01 điện thoại di động màu trắng hiệu iphone (không kiểm tra máy móc bên trong), số IMEI 356679080024178 bên trong khe chứa sim có 01 sim Vinaphone số 09452615..;
- 17) 01 hộp kim loại hình tròn, màu đỏ;
- 18) 01 hộp nhựa màu hồng.

Cáo trạng số 09/CT-VKSMH-MT ngày 03/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá quyết định truy tố bị cáo T V P về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào kết quả thẩm vấn công khai tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; lời khai của những người tham gia tố tụng tại phiên toà; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa bị cáo đã nhất trí hoàn toàn với nội dung bản cáo trạng được đại diện Viện kiểm sát công bố và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các lời khai của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, qua đó cho thấy:

Ngày 24/01/2019 T V P đã có hành vi vận chuyển trái phép 2,244g ma túy loại Methamphetamin từ Lào vào Việt Nam, bị lực lượng Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế C L bắt quả tang.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố cũng như đề nghị:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 250; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo T V P từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Việc truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Minh Hóa, Viện kiểm sát huyện Minh Hóa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo T V P đã thừa nhận hành vi phạm tội. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ đã được kiểm tra tại phiên tòa. Như vậy Viện kiểm sát truy tố và luận tội là có căn cứ. Bị cáo vận chuyển trái phép ma túy qua biên giới, đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt. Do đó kết luận bị cáo T V P phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm e khoản 2 điều 250 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét tính chất hành vi, hậu quả do bị cáo gây ra vụ án cho thấy:

Đây là hành vi phạm tội có tính chất táo bạo và liều lĩnh, hành vi của bị cáo thể hiện tính coi thường pháp luật. Vấn đề ma túy là một tệ nạn nhức nhối trong xã hội, nó gây ra hậu quả với tác hại rất lớn, làm suy đồi đạo đức, nhân cách con người. Vì vậy hành vi trên cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm minh nhằm trừng trị, cải tạo thành người tốt và răn đe và giáo dục chung.

[4] Xét thấy bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thấy được lỗi lầm của mình, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo đã 03 lần lập được thành tích trong việc giúp đỡ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N B bắt giữ tội phạm, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, điểm t khoản 1 Điều

51 BLHS. Bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình, mẹ bị cáo vừa bị mất do tai nạn giao thông đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản Điều 51 BLHS vì vậy áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử dưới khung hình phạt, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra xác định: Phương tiện vận tải và các giấy tờ liên quan đến phương tiện là của Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu K L, địa chỉ số 130 đường T P, phường H V T, thành phố L S. Ngày 31 tháng 01 năm 2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Minh Hóa đã lập biên bản trao trả cho đại diện Công ty. Xét thấy việc xử lý vật chứng này của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Minh Hóa là đúng quy định của pháp luật nên miễn xét.

Căn cứ điểm a khoản 2, Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy:

1) 01 (một) phong bì thư ghi “183/GĐ-PC09” “mẫu ký hiệu A1 và A2” dán kín, được niêm phong bằng các chữ ký của ông Đ X B, L Đ B, Ng N S, T N T và dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình.

2) 01 (một) hộp kim loại hình tròn, màu đỏ (đối tượng dùng để đựng ma túy tổng hợp dạng đá)

3) 01 (một) hộp nhựa màu hồng (đối tượng dùng để đựng ma túy tổng hợp).

Căn cứ điểm b khoản 3, Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo T V P:

1) 01 (một) quyển hộ chiếu số: C3404789 do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 31/5/2017 mang tên T V P;

2) 01 (một) thẻ căn cước công dân số: 037086000760 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 14/4/2016 mang tên T V P;

3) 01 (một) giấy phép lái xe số: 790118230762 do Sở giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2015 mang tên T V P.

4) 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu NOKIA (không rõ chất lượng bên trong), số Serial no 1: 353407097349005 và số Serial no 2: 358567087771008; bên trong khe chứa sim 1 có chứa 01 sim Viettel số 08682066.. và khe chứa sim 2 có chứa 01 sim Vinaphone số 09163124..;

5) 01 (một) điện thoại di động màu trắng hiệu Iphone (không rõ chất lượng bên trong), số IMEI 356679080024178 bên trong khe chứa sim có 01 sim Vinaphone số 09452615..;

Số vật chứng trên đã được chuyển giao và hiện đang bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/4/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Minh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

[6] Về án phí: Bị cáo T V P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo T V P phạm tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy”

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 250; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T V P.

Xử phạt bị cáo T V P 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 24/01/2019.

Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo T V P 45 ngày.

* Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 2, Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy:

1) 01 (một) phong bì thư ghi “183/GĐ-PC09” “mẫu ký hiệu A1 và A2” dán kín, được niêm phong bằng các chữ ký của ông Đ X B, L Đ B, Ng N S, T N T và dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình.

2) 01 (một) hộp kim loại hình tròn, màu đỏ (đối tượng dùng để đựng ma túy tổng hợp dạng đá)

3) 01 (một) hộp nhựa màu hồng (đối tượng dùng để đựng ma túy tổng hợp).

Căn cứ điểm b khoản 3, Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo T V P:

1) 01 (một) quyển hộ chiếu số: C3404789 do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 31/5/2017 mang tên T V P;

2) 01 (một) thẻ căn cước công dân số: 037086000760 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 14/4/2016 mang tên T V P;

3) 01 (một) giấy phép lái xe số: 790118230762 do Sở giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2015 mang tên T V P.

4) 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu NOKIA (không rõ chất lượng bên trong), số Serial no 1: 353407097349005 và số Serial no 2: 358567087771008; bên trong khe chứa sim 1 có chứa 01 sim Viettel số 08682066.. và khe chứa sim 2 có chứa 01 sim Vinaphone số 09163124..;

5) 01 (một) điện thoại di động màu trắng hiệu Iphone (không rõ chất lượng bên trong), số IMEI 356679080024178 bên trong khe chứa sim có 01 sim Vinaphone số 09452615..;

Số vật chứng trên đã được chuyển giao và hiện đang bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/4/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Minh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

* Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo T V P phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung công.

Án xử công khai báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/5/2019), đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Minh Hoá;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Lâm Xướng

